DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 27 **Thi tại phòng: 312**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900310	9N	Dương Phúc An	25/11/2003				
2	900311	9N	Lê Nguyên An	21/07/2003				
3	900312	9N	Lê Quý An	20/1/2003				
4	900313	9N	Nguyễn Thị Chúc An	20/09/2003				
5	900314	9N	Nguyễn Thị Thúy An	02/11/2003				
6	900315	9N	Nguyễn Thu An	07/08/2003				
7	900316	9N	Nguyễn Thúy An	09/05/2003				
8	900317	9N	Nguyễn Thuỵ An	28/05/2003				
9	900318	9N	Phạm Đức An	11/12/2003				
10	900319	9N	Phùng Hải An	28/04/2003				
11	900320	9N	Trần Khánh An	16/12/2003				
12	900321	9N	Trần Thành An	10/11/2003				
13	900322	9N	Vũ Thu An	06/10/2003				
14	900323	9N	Bùi Đỗ Nhật Nam Anh	22/01/2003				
15	900324	9N	Bùi Hà Thùy Anh	11/03/2003				
16	900325	9N	Chu Phương Anh	09/09/2003				
17	900326	9N	Chu Quang Anh	05/04/2003				
18	900327	9N	Công Đức Anh	29/10/2003				
19	900328	9N	Công Tôn Anh	27/09/2003				
20	900329	9N	Dương Phương Anh	27/05/2003				
21	900330	9N	Đào Nam Anh	15/2/2003				
22	900331	9N	Đào Phương Anh	11/11/2003				
23	900332	9N	Đào Thị Quỳnh Anh	22/09/2003				
24	900333	9N	Đặng Diệu Anh	02/12/2003				
25	900334	9N	Đỗ Duy Anh	24/08/2003				
26	900335	9N	Đỗ Duy Anh	16/11/2003				
27	900336	9N	Đỗ Hà Anh	18/08/2003				
28	900337	9N	Đỗ Kiều Anh	03/10/2003				
29	900338	9N	Đỗ Ngọc Anh	29/11/2003				
30	900339	9N	Đỗ Phương Anh	02/10/2003				
31	900340	9N	Đỗ Phương Anh	26/10/2003				
32	900341	9N	Đỗ Quỳnh Anh	09/12/2003				
33	900342	9N	Đỗ Thành Anh	28/06/2003				
34	900343	9N	Đỗ Vũ Hùng Anh	02/09/2003				
35	900344	9N	Đồng Trung Anh	11/05/2003				
36	900345	9N	Giang Lê Quỳnh Anh	07/11/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 28 **Thi tại phòng: 313**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900346	9N	Hoàng Duy Anh	20/12/2003				
2	900347	9N	Hoàng Mai Anh	27/12/2003				
3	900348	9N	Hoàng Nguyệt Anh	16/02/2003				
4	900349	9N	Khúc Tuấn Anh	24/10/2003				
5	900350	9N	Lại Thị Quỳnh Anh	10/07/2003				
6	900351	9N	Lê Anh	29/10/2003				
7	900352	9N	Lê Bùi Đức Anh	09/01/2003				
8	900353	9N	Lê Đức Anh	15/08/2003				
9	900354	9N	Lê Huy Tuấn Anh	06/12/2003				
10	900355	9N	Lê Mai Tuệ Anh	23/08/2003				
11	900356	9N	Lê Ngọc Anh	23/04/2003				
12	900357	9N	Lê Quỳnh Anh	01/08/2003				
13	900358	9N	Lê Thị Quỳnh Anh	11/04/2003				
14	900359	9N	Lê Việt Anh	15/10/2003				
15	900360	9N	Lê Việt Anh	02/01/2003				
16	900361	9N	Lương Ngọc Anh	18/12/2003				
17	900362	9N	Lương Quỳnh Anh	24/9/2003				
18	900363	9N	Ngọ Việt Anh	03/04/2003				
19	900364	9N	Ngô Hoàng Anh	16/02/2003				
20	900365	9N	Nguễn Đặng Quỳnh Anh	04/07/2003				
21	900366	9N	Nguyễn Bá Anh	03/12/2003				
22	900367	9N	Nguyễn Diệu Anh	14/02/2003				
23	900368	9N	Nguyễn Đình Anh	03/09/2003				
24	900369	9N	Nguyễn Đức Anh	27/11/2003				
25	900370	9N	Nguyễn Đức Anh	16/08/2003				
26	900371	9N	Nguyễn Đức Anh	15/11/2003				
27	900372	9N	Nguyễn Đức Anh	10/10/2003				
28	900373	9N	Nguyễn Đức Anh	08/10/2003				
29	900374	9N	Nguyễn Hà Anh	27/10/2003				
30	900375	9N	Nguyễn Hải Anh	02/02/2003				
31	900376	9N	Nguyễn Hải Anh	09/10/2003				
32	900377	9N	Nguyễn Hải Anh	29/01/2003				
33	900378	9N	Nguyễn Hiền Anh	30/01/2003				
34	900379	9N	Nguyễn Hoàng Anh	22/08/2003				
35	900380	9N	Nguyễn Huyền Anh	20/1/2003				
36	900381	9N	Nguyễn Huyền Anh	06/09/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 29 **Thi tại phòng: 314**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900382	9N	Nguyễn Hữu Nam Anh	21/02/2003				
2	900383	9N	Nguyễn Kim Vân Anh	08/08/2003				
3	900384	9N	Nguyễn Lê Thục Anh	13/06/2003				
4	900385	9N	Nguyễn Mai Anh	01/10/2003				
5	900386	9N	Nguyễn Minh Anh	04/06/2003				
6	900387	9N	Nguyễn Minh Anh	29/12/2003				
7	900388	9N	Nguyễn Minh Anh	04/10/2003				
8	900389	9N	Nguyễn Minh Anh	07/10/2003				
9	900390	9N	Nguyễn Minh Anh	07/02/2003				
10	900391	9N	Nguyễn Nam Anh	02/10/2003				
11	900392	9N	Nguyễn Ngọc Anh	04/08/2003				
12	900393	9N	Nguyễn Ngọc Chinh Anh	13/12/2003				
13	900394	9N	Nguyễn Ngọc Minh Anh	07/05/2003				
14	900395	9N	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	19/03/2003				
15	900396	9N	Nguyễn Phương Anh	19/10/2003				
16	900397	9N	Nguyễn Phương Anh	08/09/2003				
17	900398	9N	Nguyễn Phương Anh	24/11/2003				
18	900399	9N	Nguyễn Phương Anh	11/11/2003				
19	900400	9N	Nguyễn Phương Anh	13/12/2003				
20	900401	9N	Nguyễn Quang Anh	29/12/2003				
21	900402	9N	Nguyễn Quang Anh	19/11/2003				
22	900403	9N	Nguyễn Quang Anh	03/11/2003				
23	900404	9N	Nguyễn Quỳnh Anh	24/03/2003				
24	900405	9N	Nguyễn Quỳnh Anh	12/11/2003				
25	900406	9N	Nguyễn Thế Anh	06/11/2003				
26	900407	9N	Nguyễn Thị Lan Anh	22/09/2003				
27	900408	9N	Nguyễn Thị Phương Anh	16/11/2003				
28	900409	9N	Nguyễn Vân Anh	30/5/2003				
29	900410	9N	Nguyễn Vũ Phương Anh	19/4/2003				
30	900411	9N	Nguyễn Xuân Anh	30/12/2003				
31	900412	9N	Nguyễn Yến Anh	28/07/2003				
32	900413	9N	Phạm Duy Anh	08/09/2003				
33	900414	9N	Phạm Hiền Anh	02/05/2003				
34	900415	9N	Phạm Huyền Anh	18/08/2003				
35	900416	9N	Phạm Huyền Anh	25/12/2003				
36	900417	9N	Phạm Minh Anh	20/10/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 30 **Thi tại phòng: 316**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900418	9N	Phạm Nguyễn Minh Anh	29/3/2003				
2	900419	9N	Phạm Phương Anh	29/08/2003				
3	900420	9N	Phạm Quỳnh Anh	23/09/2003				
4	900421	9N	Phạm Thúy Anh	03/10/2003				
5	900422	9N	Phạm Việt Anh	10/10/2003				
6	900423	9N	Phùng Thị Lan Anh	12/08/2003				
7	900424	9N	Tạ Thị Ngọc Anh	29/09/2003				
8	900425	9N	Trạm Trung Anh	31/10/2003				
9	900426	9N	Trần Bảo Anh	02/12/2003				
10	900427	9N	Trần Duy Anh	29/06/2003				
11	900428	9N	Trần Hoàng Anh	06/05/2003				
12	900429	9N	Trần Kim Anh	01/11/2003				
13	900430	9N	Trần Minh Anh	20/04/2003				
14	900431	9N	Trần Quang Anh	06/09/2003				
15	900432	9N	Trần Thế Duy Anh	17/10/2003				
16	900433	9N	Trần Thị Ngọc Anh	29/12/2003				
17	900434	9N	Trịnh Duy Anh	28/07/2003				
18	900435	9N	Trịnh Kiều Anh	25/09/2003				
19	900436	9N	Trương Diệp Anh	04/11/2003				
20	900437	9N	Trương Hà Anh	23/05/2003				
21	900438	9N	Trương Thục Anh	06/04/2003				
22	900439	9N	Võ Thị Mai Anh	06/04/2003				
23	900440	9N	Vũ Phương Anh	30/01/2003				
24	900441	9N	Vũ Quang Anh	07/04/2003				
25	900442	9N	Vũ Quỳnh Anh	12/07/2003				
26	900443	9N	Vũ Quỳnh Anh	22/01/2003				
27	900444	9N	Vũ Việt Anh	26/06/2003				
28	900445	9N	Bùi Ngọc Ánh	04/09/2003				
29	900446	9N	Hoàng Ngọc Ánh	20/10/2003				
30	900447	9N	Lưu Nguyệt Ánh	16/03/2003				
31	900448	9N	Nguyễn Bảo Ánh	25/10/2003				
32	900449	9N	Nguyễn Ngọc Ánh	13/12/2003				
33	900450	9N	Nguyễn Phan Ngọc Ánh	13/08/2003				
34	900451	9N	Trương Diệp Ánh	10/01/2003				
35	900452	9N	Bùi Tùng Bách	04/11/2003				
36	900453	9N	Nguyễn Xuân Bách	10/03/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 31 **Thi tại phòng: 317**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900454	9N	Triệu Thế Bách	29/11/2003				
2	900455	9N	Vũ Gia Bách	27/10/2003				
3	900456	9N	Đỗ Quốc Bảo	02/09/2003				
4	900457	9N	Trần Tuấn Bảo	12/09/2003				
5	900458	9N	Trương Đỗ Gia Bảo	30/12/2003				
6	900459	9N	Giang Thái Bình	09/06/2003				
7	900460	9N	Nguyễn Tất Bình	10/11/2003				
8	900461	9N	Phạm Ngọc Tuấn Bình	28/09/2003				
9	900462	9N	Trần Yên Bình	11/11/2003				
10	900463	9N	Đoàn Ngọc Minh Châu	01/08/2003				
11	900464	9N	Lê Minh Châu	11/02/2003				
12	900465	9N	Nguyễn Minh Châu	23/1/2003				
13	900466	9N	Nguyễn Minh Châu	24/05/2003				
14	900467	9N	Nguyễn Minh Châu	14/03/2003				
15	900468	9N	Đàm Linh Chi	30/07/2003				
16	900469	9N	Đỗ Thùy Chi	18/01/2003				
17	900470	9N	Hoàng Mai Chi	13/01/2003				
18	900471	9N	La Thị Thùy Chi	29/09/2003				
19	900472	9N	Lê Quỳnh Chi	29/6/2003				
20	900473	9N	Lê Yến Chi	13/08/2003				
21	900474	9N	Ngô Mai Chi	31/10/2003				
22	900475	9N	Ngô Yến Chi	12/12/2003				
23	900476	9N	Nguyễn Hà Chi	25/11/2003				
24	900477	9N	Nguyễn Hà Chi	27/08/2003				
25	900478	9N	Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi	08/03/2003				
26	900479	9N	Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi	08/03/2003				
27	900480	9N	Nguyễn Huyền Chi	13/11/2003				
28	900481	9N	Nguyễn Phương Chi	12/03/2003				
29	900482	9N	Nguyễn Quỳnh Chi	18/10/2003				
30	900483	9N	Nguyễn Thị Kim Chi	11/08/2003				
31	900484	9N	Nguyễn Trần Đan Chi	01/11/2003				
32	900485	9N	Nguyễn Trần Linh Chi	30/07/2003				
33	900486	9N	Nguyễn Yến Chi	20/10/2003				
34	900487	9N	Tạ Hà Chi	25/9/2003				
35	900488	9N	Trần Ngọc Hạnh Chi	15/09/2003				
36	900489	9N	Vũ Thị Hà Chi	01/02/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 32 **Thi tại phòng: 318**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900490	9N	Vũ Thị Linh Chi	26/12/2003				
2	900491	9N	Vũ Trần Lan Chi	23/10/2003				
3	900492	9N	Đặng Thọ Chiến	08/07/2003				
4	900493	9N	Bùi Trung Chính	16/05/2003				
5	900494	9N	Lê Huyền Cơ	12/08/2003				
6	900495	9N	Đinh Việt Cường	26/07/2003				
7	900496	9N	Phạm Phú Cường	09/08/2003				
8	900497	9N	Nguyễn Kim Dung	10/02/2003				
9	900498	9N	Chu Việt Dũng	18/7/2003				
10	900499	9N	Đỗ Tuấn Dũng	13/08/2003				
11	900500	9N	Đỗ Văn Dũng	05/05/2003				
12	900501	9N	Hà Quang Dũng	10/12/2003				
13	900502	9N	Hoàng Đình Dũng	10/08/2003				
14	900503	9N	Lê Đình Dũng	06/03/2003				
15	900504	9N	Lê Mạnh Dũng	12/10/2003				
16	900505	9N	Nguyễn Chí Dũng	10/02/2003				
17	900506	9N	Nguyễn Đại Dũng	18/10/2003				
18	900507	9N	Nguyễn Minh Dũng	11/10/2003				
19	900508	9N	Nguyễn Tân Dũng	20/05/2003				
20	900509	9N	Nguyễn Tiến Dũng	17/12/2003				
21	900510	9N	Nguyễn Tiến Dũng	14/11/2003				
22	900511	9N	Nguyễn Trí Dũng	31/12/2003				
23	900512	9N	Nguyễn Việt Dũng	08/11/2003				
24	900513	9N	Nguyễn Việt Dũng	11/11/2003				
25	900514	9N	Nguyễn Việt Tuấn Dũng	19/11/2003				
26	900515	9N	Phạm Vũ Dũng	09/06/2003				
27	900516	9N	Quản Văn Dũng	19/11/2003				
28	900517	9N	Bùi Công Duy	03/06/2003				
29	900518	9N	Cao Văn Duy	25/6/2003				
30	900519	9N	Hoàng Đức Duy	11/04/2003				
31	900520	9N	Nguyễn Nam Duy	02/05/2003				
32	900521	9N	Nguyễn Ngọc Duy	15/9/2003				
33	900522	9N	Trần Đức Duy	20/11/2003				
34	900523	9N	Bùi Đức Dương	30/10/2003				
35	900524	9N	Đinh Thái Dương	17/11/2003				
36	900525	9N	Đoàn Thùy Dương	26/10/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 33 **Thi tại phòng: 402**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900526	9N	Hoàng Xuân Dương	07/11/2003				
2	900527	9N	Lại Ngọc Ánh Dương	26/04/2003				
3	900528	9N	Lê Thùy Dương	20/09/2003				
4	900529	9N	Mai Hải Dương	27/4/2003				
5	900530	9N	Nguyễn Ánh Dương	16/03/2003				
6	900531	9N	Nguyễn Bạch Dương	07/03/2003				
7	900532	9N	Nguyễn Linh Dương	30/12/2003				
8	900533	9N	Nguyễn Minh Dương	31/07/2003				
9	900534	9N	Nguyễn Phương Thùy Dương	17/05/2003				
10	900535	9N	Nguyễn Quý Dương	19/02/2003				
11	900536	9N	Nguyễn Thế Dương	13/05/2003				
12	900537	9N	Nguyễn Thùy Dương	11/04/2003				
13	900538	9N	Nguyễn Thùy Dương	26/4/2003				
14	900539	9N	Nguyễn Vũ Hải Dương	06/12/2003				
15	900540	9N	Tống Thái Dương	12/05/2003				
16	900541	9N	Trần Thùy Dương	24/08/2003				
17	900542	9N	Vũ Hoàng Dương	03/10/2003				
18	900543	9N	Vũ Thuỳ Dương	02/11/2003				
19	900544	9N	Nguyễn Minh Đại	05/05/2003				
20	900545	9N	Nguyễn Khánh Đan	23/12/2003				
21	900546	9N	Nguyễn Khương Đan	11/01/2003				
22	900547	9N	Dương Đức Đạt	13/09/2003				
23	900548	9N	Đặng Tiến Đạt	05/12/2003				
24	900549	9N	Nguyễn Huy Thành Đạt	09/03/2003				
25	900550	9N	Nguyễn Phạm Đạt	24/4/2003				
26	900551	9N	Nguyễn Tuấn Đạt	29/05/2003				
27	900552	9N	Nguyễn Tuấn Đạt	23/10/2003				
28	900553	9N	Nguyễn Tuấn Đạt	13/02/2003				
29	900554	9N	Phương Tuấn Đạt	29/7/2003				
30	900555	9N	Trịnh Thành Đạt	23/10/2003				
31	900556	9N	Vũ Tiến Đạt	03/10/2003				
32	900557	9N	Phạm hải Đăng	25/7/2003				
33	900558	9N	Trần Hải Đăng	07/10/2003				
34	900559	9N	Phạm Khánh Đoan	23/12/2003				
35	900560	9N	Nguyễn Thành Đông	29/05/2003				
36	900561	9N	Dương Minh Đức	15/11/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 34 **Thi tại phòng: 403**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900562	9N	Đào Anh Đức	21/10/2003				
2	900563	9N	Hán Bình Minh Đức	10/05/2003				
3	900564	9N	Lê Hoàng Đức	19/06/2003				
4	900565	9N	Lê Nguyễn Trung Đức	05/07/2003				
5	900566	9N	Lê Nhật Đức	30/04/2003				
6	900567	9N	Lê Tuấn Đức	23/12/2003				
7	900568	9N	Ngô Minh Đức	19/5/2003				
8	900569	9N	Nguyễn Đình Minh Đức	18/06/2003				
9	900570	9N	Nguyễn Hữu Đức	13/03/2003				
10	900571	9N	Nguyễn Minh Đức	26/10/2003				
11	900572	9N	Nguyễn Quang Đức	31/12/2003				
12	900573	9N	Nguyễn Xuân Đức	08/08/2003				
13	900574	9N	Tống Anh Đức	06/07/2003				
14	900575	9N	Trần Minh Đức	13/01/2003				
15	900576	9N	Tuấn Mạnh Đức	29/09/2003				
16	900577	9N	Vũ Minh Đức	28/09/2003				
17	900578	9N	Chu Ngân Giang	11/12/2003				
18	900579	9N	Đặng Châu Giang	25/10/2003				
19	900580	9N	Hoàng Thu Giang	28/10/2003				
20	900581	9N	Nguyễn Hương Giang	26/09/2003				
21	900582	9N	Nguyễn Phương Giang	23/07/2003				
22	900583	9N	Nguyễn Quỳnh Giang	18/10/2003				
23	900584	9N	Nguyễn Thị Giang	25/1/2003				
24	900585	9N	Phạm Hương Giang	25/07/2003				
25	900586	9N	Phạm Trường Giang	17/03/2003				
26	900587	9N	Trần Nguyễn Hương Giang	07/10/2003				
27	900588	9N	Trần Nguyễn Hương Giang	10/07/2003				
28	900589	9N	Võ Trường Giang	19/10/2003				
29	900590	9N	Vũ Trường Giang	09/11/2003				
30	900591	9N	Nguyễn ngọc Quỳnh Giao	15/6/2003				
31	900592	9N	Nguyễn Thị Kỳ Giao	05/02/2003				
32	900593	9N	Đinh Phương Hà	26/6/2003				
33	900594	9N	Giáp Ngô Nguyệt Hà	20/10/2003				
34	900595	9N	Lê Ngân Hà	25/08/2003				
35	900596	9N	Lê Thị Hoàng Hà	16/06/2003				
36	900597	9N	Nguyễn Công Vân Hà	15/01/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 35 **Thi tại phòng: 404**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900598	9N	Nguyễn Sơn Hà	11/05/2003				
2	900599	9N	Nguyễn Thị Mỹ Hà	07/06/2003				
3	900600	9N	Nguyễn Việt Hà	06/03/2003				
4	900601	9N	Phạm Lương Ngọc Hà	17/01/2003				
5	900602	9N	Phạm Ngọc Hà	23/10/2003				
6	900603	9N	Tạ Thu Hà	22/02/2003				
7	900604	9N	Trần Nguyễn Nhật Hà	20/04/2003				
8	900605	9N	Vũ Ngân Hà	30/3/2003				
9	900606	9N	Vương Ngân Hà	23/03/2003				
10	900607	9N	Nguyễn Cao Minh Hạ	27/05/2003				
11	900608	9N	Đăng Quang Hải	19/12/2003				
12	900609	9N	Đoàn Tử Việt Hải	11/02/2003				
13	900610	9N	Hoàng Đức Hải	27/7/2003				
14	900611	9N	Hồ Minh Hải	24/07/2003				
15	900612	9N	Lê Thế Hải	01/11/2003				
16	900613	9N	Lê Trung Hải	12/10/2003				
17	900614	9N	Nguyễn Nhật Hải	20/07/2003				
18	900615	9N	Nguyễn Phụng Hải	28/11/2003				
19	900616	9N	Trần Bùi Tuấn Hải	10/11/2003				
20	900617	9N	Vũ Trọng Phúc Hải	02/02/2003				
21	900618	9N	Đào Thị Hồng Hạnh	01/08/2002				
22	900619	9N	Đoàn Mỹ Hạnh	18/01/2003				
23	900620	9N	Nguyễn Hồng Hạnh	10/09/2003				
24	900621	9N	Nguyễn Quốc Hào	09/12/2003				
25	900622	9N	Hoàng Xuân Hảo	08/04/2003				
26	900623	9N	Bùi Minh Hằng	16/05/2003				
27	900624	9N	Đoàn Mỹ Hằng	18/01/2003				
28	900625	9N	Phạm Kim Hằng	25/10/2003				
29	900626	9N	Lương Ngọc Hân	20/12/2003				
30	900627	9N	Bùi Minh Hiền	16/05/2003				
31	900628	9N	Đỗ Thúy Hiền	24/02/2003				
32	900629	9N	Nguyễn Kim Hiền	22/4/2003				
33	900630	9N	Nguyễn Phương Hiền	15/07/2003				
34	900631	9N	Phạm Thanh Hiền	22/08/2003				
35	900632	9N	Phạm Trọng Hiền	02/07/2003				
36	900633	9N	Nguyễn Duy Hiển	07/04/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 36 **Thi tại phòng: 405**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900634	9N	Nguyễn Quang Hiển	12/11/2003				
2	900635	9N	Lê Quang Hiệp	02/05/2003				
3	900636	9N	Nguyễn Quang Hiệp	10/07/2003				
4	900637	9N	Cao Hoàng Hiếu	19/04/2003				
5	900638	9N	Cao Mạnh Hiếu	19/05/2003				
6	900639	9N	Đào Đức Hiếu	06/08/2003				
7	900640	9N	Đào Quang Hiếu	11/03/2003				
8	900641	9N	Hoàng Minh Hiếu	30/11/2003				
9	900642	9N	Hồ Minh Hiếu	31/01/2003				
10	900643	9N	Lê Minh Hiếu	13/12/2003				
11	900644	9N	Nguyễn Dương Hiếu	02/03/2003				
12	900645	9N	Nguyễn Đức Hiếu	28/06/2003				
13	900646	9N	Nguyễn Long Hiếu	20/06/2003				
14	900647	9N	Nguyễn Minh Hiếu	15/1/2003				
15	900648	9N	Nguyễn Trung Hiếu	17/05/2003				
16	900649	9N	Nguyễn Trung Hiếu	09/02/2003				
17	900650	9N	Phạm Minh Hiếu	19/03/2003				
18	900651	9N	Thân Đức Hiếu	15/10/2003				
19	900652	9N	Trương Công Hiếu	06/11/2003				
20	900653	9N	Võ Văn Hiếu	30/11/2003				
21	900654	9N	Vũ Minh Hiếu	08/12/2003				
22	900655	9N	Vũ Minh Hiếu	25/10/2003				
23	900656	9N	Lê Tô Hiệu	14/03/2003				
24	900657	9N	Chu Thị Hoa	20/11/2003				
25	900658	9N	Phạm Mai Hoa	13/12/2003				
26	900659	9N	Phạm Thị Thanh Hoa	24/10/2003				
27	900660	9N	Trần Diệu Hoa	21/05/2003				
28	900661	9N	Đinh Đức Hoàng	29/12/2003				
29	900662	9N	Đoàn Minh Hoàng	15/12/2003				
30	900663	9N	Đỗ Việt Hoàng	19/11/2003				
31	900664	9N	Lâm Huy Hoàng	01/09/2003				
32	900665	9N	Lê Cao Hoàng	15/05/2003				
33	900666	9N	Lê Tấn Hoàng	06/09/2003				
34	900667	9N	Lê Thanh Hòang	21/1/2003				
35	900668	9N	Nguyễn Đức Minh Hoàng	20/1/2003				
36	900669	9N	Nguyễn Nhất Hoàng	05/08/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 37 **Thi tại phòng: 407**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900670	9N	Phạm Minh Hoàng	28/08/2003				
2	900671	9N	Phạm Việt Hoàng	14/06/2003				
3	900672	9N	Đỗ Quang Huấn	19/9/2003				
4	900673	9N	Đào Phi Hùng	13/10/2003				
5	900674	9N	Đinh Mạnh Hùng	08/08/2003				
6	900675	9N	Hoàng Chí Hùng	03/10/2003				
7	900676	9N	Hoàng Việt Hùng	27/11/2003				
8	900677	9N	Nguyễn Mạnh Hùng	07/09/2003				
9	900678	9N	Nguyễn Thế Hùng	19/10/2003				
10	900679	9N	Bùi Mạnh Huy	01/12/2003				
11	900680	9N	Đặng Quang Huy	01/08/2003				
12	900681	9N	Đỗ Quang Huy	08/02/2003				
13	900682	9N	Hà Đức Huy	04/02/2003				
14	900683	9N	Ngô Quang Huy	13/01/2003				
15	900684	9N	Ngô Thế Huy	08/06/2003				
16	900685	9N	Nguyễn Danh Huy	28/08/2003				
17	900686	9N	Nguyễn Ngọc Huy	01/01/2003				
18	900687	9N	Nguyễn Quang Huy	03/11/2003				
19	900688	9N	Nguyễn Quang Huy	04/02/2003				
20	900689	9N	Nguyễn Quốc Huy	12/07/2003				
21	900690	9N	Nguyễn Quốc Huy	25/02/2003				
22	900691	9N	Nguyễn Thế Huy	19/09/2003				
23	900692	9N	Nguyễn Vũ Đức Huy	04/11/2003				
24	900693	9N	Phạm Việt Huy	24/10/2003				
25	900694	9N	Võ Quang Huy	05/05/2003				
26	900695	9N	Vũ Ngọc Huy	30/1/2003				
27	900696	9N	Hồ Thanh Huyền	19/10/2003				
28	900697	9N	Hứa Hạnh Huyền	28/08/2003				
29	900698	9N	Nguyễn Ngọc Mỹ Huyền	02/11/2003				
30	900699	9N	Nguyễn Phương Huyền	23/05/2003				
31	900700	9N	Nguyễn Phương Huyền	23/05/2003				
32	900701	9N	Nguyễn Thị Ánh Huyền	16/11/2003				
33	900702	9N	Nguyễn Thị Khánh Huyền	11/08/2003				
34	900703	9N	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/06/2003				
35	900704	9N	Phạm Ngọc Huyền	02/10/2003				
36	900705	9N	Phạm Phương Huyền	17/05/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 38 **Thi tại phòng: 410**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900706	9N	Phạm Thị Phương Huyền	03/06/2003				
2	900707	9N	Phùng Thị Thanh Huyền	17/12/2003				
3	900708	9N	Trần Ngọc Huyền	03/02/2003				
4	900709	9N	Trần Ngọc Huyền	28/10/2003				
5	900710	9N	Bùi Viết Hưng	23/02/2003				
6	900711	9N	Lê Tuấn Hưng	18/10/2003				
7	900712	9N	Lê Vĩnh Hưng	14/04/2003				
8	900713	9N	Lưu Quang Nhật Hưng	13/12/2003				
9	900714	9N	Mạc Nguyễn Tuấn Hưng	25/11/2003				
10	900715	9N	Nguyễn Thành Hưng	27/08/2003				
11	900716	9N	Trịnh Thành Hưng	10/09/2003				
12	900717	9N	Bùi Đoàn Thu Hương	22/03/2003				
13	900718	9N	Đinh Lan Hương	08/10/2003				
14	900719	9N	Đỗ Diệp Hương	07/10/2003				
15	900720	9N	Hoàng Lan Hương	26/12/2003				
16	900721	9N	Kiều Lê Hương	20/12/2003				
17	900722	9N	Lâm Thị Thu Hương	23/03/2003				
18	900723	9N	Lý Mai Hương	09/08/2003				
19	900724	9N	Mai Minh Hương	24/10/2003				
20	900725	9N	Nguyễn Thị Mai Hương	02/01/2003				
21	900726	9N	Nguyễn Thu Hương	18/08/2003				
22	900727	9N	Phùng Thị Thu Hương	22/8/2003				
23	900728	9N	Lê Tuấn Khang	25/10/2003				
24	900729	9N	Ngô Đức Khang	05/12/2003				
25	900730	9N	Bùi Ngọc Khánh	22/12/2003				
26	900731	9N	Lê Nam Khánh	31/8/2003				
27	900732	9N	Lê Việt Khánh	20/07/2003				
28	900733	9N	Nguyễn Nam Khánh	29/4/2003				
29	900734	9N	Nguyễn Nam Khánh	14/06/2003				
30	900735	9N	Nguyễn Quốc Khánh	19/9/2003				
31	900736	9N	Nông Đình Khánh	12/01/2003				
32	900737	9N	Phạm Minh Khánh	09/12/2003				
33	900738	9N	Phạm Ngọc Khánh	22/07/2003				
34	900739	9N	Phạm Quốc Khánh	02/05/2003				
35	900740	9N	Phùng Gia Khánh	13/09/2003				
36	900741	9N	Trần Anh Khánh	23/12/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 39 **Thi tại phòng: 411**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900742	9N	Trần Đức Khánh	12/06/2003				
2	900743	9N	Phạm Anh Khôi	22/09/2003				
3	900744	9N	Trần Nguyễn Khôi	17/6/2003				
4	900745	9N	Kim Khuê	20/10/2003				
5	900746	9N	Phạm Khuê	06/09/2003				
6	900747	9N	Vũ Minh Khuê	14/05/2003				
7	900748	9N	Bùi Đức Kiên	24/04/2003				
8	900749	9N	Nguyễn Chí Kiên	11/06/2003				
9	900750	9N	Nguyễn Đức Kiên	25/08/2003				
10	900751	9N	Nguyễn Trọng Kiên	21/2/2003				
11	900752	9N	Phùng Chí Kiên	20/08/2003				
12	900753	9N	Trần Quốc Kiên	10/02/2003				
13	900754	9N	Vũ Hoàng Trung Kiên	01/06/2003				
14	900755	9N	Vũ Trung Kiên	05/06/2003				
15	900756	9N	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/11/2003				
16	900757	9N	Võ Chu Tuấn Kiệt	10/05/2003				
17	900758	9N	Trần Thanh Kiều	03/09/2003				
18	900759	9N	Lê Nguyễn Hoàng Kim	07/12/2003				
19	900760	9N	Lê Tấn Kỳ	04/02/2003				
20	900761	9N	Nguyễn Ngọc Lan	22/04/2002				
21	900762	9N	Đỗ Phúc Lâm	27/11/2003				
22	900763	9N	Nguyễn Tùng Lâm	16/12/2003				
23	900764	9N	Trương Tùng Lâm	02/05/2003				
24	900765	9N	Bùi Hà Linh	04/10/2003				
25	900766	9N	Bùi Mỹ Linh	05/04/2003				
26	900767	9N	Bùi Phương Linh	01/12/2003				
27	900768	9N	Bùi Thảo Linh	09/11/2003				
28	900769	9N	Bùi Thùy Linh	18/12/2003				
29	900770	9N	Cao Nguyễn Khánh Linh	19/07/2003				
30	900771	9N	Dđỗ Thị Diệu Linh	20/10/2003				
31	900772	9N	Đào Khánh Linh	13/10/2003				
32	900773	9N	Đào Ngọc Linh	14/11/2003				
33	900774	9N	Đặng Hà Linh	26/08/2003				
34	900775	9N	Đặng Khánh Linh	15/7/2003				
35	900776	9N	Đặng Thị Phương Linh	22/6/2003				
36	900777	9N	Đỗ Phan Hà Linh	11/09/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 40 **Thi tại phòng: 412**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900778	9N	Đỗ Phương Linh	24/12/2003				
2	900779	9N	Đỗ Phương Linh	06/05/2003				
3	900780	9N	Đỗ Thị Khánh Linh	02/01/2003				
4	900781	9N	Hà Phương Linh	12/10/2003				
5	900782	9N	Hồ Thảo Linh	15/08/2003				
6	900783	9N	Hứa Phương Linh	27/10/2003				
7	900784	9N	Lại Phương Linh	08/11/2003				
8	900785	9N	Lê Bùi Khánh Linh	02/11/2003				
9	900786	9N	Lê Hà Linh	18/8/2003				
10	900787	9N	Lê Hà Mai Linh	08/08/2003				
11	900788	9N	Lê Phương Linh	16/09/2003				
12	900789	9N	Lê Phương Linh	08/03/2003				
13	900790	9N	Lê Phương Linh	15/09/2003				
14	900791	9N	Lê Thị Khánh Linh	06/09/2003				
15	900792	9N	Ngô Phương Linh	11/04/2003				
16	900793	9N	Ngô Trang Linh	20/11/2003				
17	900794	9N	Nguyễn Bảo Linh	28/06/2003				
18	900795	9N	Nguyễn Chu Nhật Linh	26/05/2003				
19	900796	9N	Nguyễn Diệu Linh	30/09/2003				
20	900797	9N	Nguyễn Đa Sơn Linh	17/10/2003				
21	900798	9N	Nguyễn Đình Quý Linh	28/03/2003				
22	900799	9N	Nguyễn Hà Linh	12/04/2003				
23	900800	9N	Nguyễn Hà Phương Linh	16/08/2003				
24	900801	9N	Nguyễn Huyền Linh	11/12/2003				
25	900802	9N	Nguyễn Khánh Linh	21/09/2003				
26	900803	9N	Nguyễn Khánh Linh	03/12/2003				
27	900804	9N	Nguyễn Khánh Linh	11/11/2003				
28	900805	9N	Nguyễn Khánh Linh	30/10/2003				
29	900806	9N	Nguyễn Khánh Linh	29/10/2003				
30	900807	9N	Nguyễn mai Linh	24/1/2003				
31	900808	9N	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	28/11/2003				
32	900809	9N	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	19/04/2003				
33	900810	9N	Nguyễn Phan Diệu Linh	09/02/2003				
34	900811	9N	Nguyễn Phương Linh	02/11/2003				
35	900812	9N	Nguyễn Phương Linh	06/03/2003				
36	900813	9N	Nguyễn Phương Linh	03/07/2003				

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 41 **Thi tại phòng: 415**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900814	9N	Nguyễn Phương Linh	01/09/2003				
2	900815	9N	Nguyễn Phương Linh	17/11/2003				
3	900816	9N	Nguyễn Thảo Linh	10/01/2003				
4	900817	9N	Nguyễn Thị Khánh Linh	23/07/2003				
5	900818	9N	Nguyễn Thị Khánh Linh	27/10/2003				
6	900819	9N	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/07/2003				
7	900820	9N	Nguyễn Thùy Linh	19/02/2003				
8	900821	9N	Nguyễn Thùy Linh	02/02/2003				
9	900822	9N	Nguyễn Thùy Linh	25/08/2003				
10	900823	9N	Nguyễn Trần Gia Linh	10/03/2003				
11	900824	9N	Nguyễn Văn Linh	16/10/2003				
12	900825	9N	Nguyễn Việt Linh	08/08/2003				
13	900826	9N	Phạm Lương Khánh Linh	19/11/2003				
14	900827	9N	Phạm Ngọc Linh	15/05/2003				
15	900828	9N	Phạm Phương Linh	14/09/2003				
16	900829	9N	Phạm Thùy Linh	25/10/2003				
17	900830	9N	Phạm Thùy Linh	16/08/2003				
18	900831	9N	Phan Hà Linh	27/10/2003				
19	900832	9N	Tống Khánh Linh	24/1/2003				
20	900833	9N	Trần Hoàng Khánh Linh	18/12/2003				
21	900834	9N	Trần Khánh Linh	04/11/2003				
22	900835	9N	Trần Mai Linh	16/05/2003				
23	900836	9N	Trần Mai Linh	08/09/2003				
24	900837	9N	Trần Phương Linh	21/07/2003				
25	900838	9N	Trần Thủy Linh	11/07/2003				
26	900839	9N	Vũ Hải Linh	28/03/2003				
27	900840	9N	Vũ Mai Linh	27/10/2003				
28	900841	9N	Nguyễn Trọng Lĩnh	23/02/2003				
29	900842	9N	Bùi Thế Long	21/07/2003				
30	900843	9N	Bùi Trần Hoàng Long	18/03/2003				
31	900844	9N	Đỗ Bá Long	11/10/2003				
32	900845	9N	Hoàng Hưng Long	22/12/2003				
33	900846	9N	Hoàng Vũ Long	30/06/2003				
34	900847	9N	Nguyễn Hoàng Long	23/06/2003				
35	900848	9N	Nguyễn Hoàng Long	31/07/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 42 **Thi tại phòng: 416**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900849	9N	Nguyễn Hữu Hoàng Long	02/11/2003				
2	900850	9N	Nguyễn Ngọc Long	22/03/2003				
3	900851	9N	Nguyễn Phi Long	14/01/2003				
4	900852	9N	Nguyễn Thăng Long	18/08/2003				
5	900853	9N	Phạm Hải Long	17/9/2003				
6	900854	9N	Phạm Quang Long	09/03/2003				
7	900855	9N	Phạm Thăng Long	10/01/2003				
8	900856	9N	Tạ Phi Long	11/06/2003				
9	900857	9N	Đỗ Đại Lộc	12/02/2003				
10	900858	9N	Nguyễn Đức Lương	10/02/2003				
11	900859	9N	Lê Hương Ly	03/08/2003				
12	900860	9N	Ngô Khánh Ly	03/03/2003				
13	900861	9N	Nguyễn Diệu Ly	21/08/2003				
14	900862	9N	Nguyễn Khánh Ly	06/11/2003				
15	900863	9N	Nguyễn Lê Ngọc Ly	14/08/2003				
16	900864	9N	Nguyễn Thị Hương Ly	21/12/2003				
17	900865	9N	Nguyễn Yến Ly	17/09/2003				
18	900866	9N	Phạm Thị Hà Ly	19/09/2003				
19	900867	9N	Trương Khánh Ly	08/06/2003				
20	900868	9N	Vũ Hương Ly	19/04/2003				
21	900869	9N	Châu Phan Phương Mai	11/11/2003				
22	900870	9N	Đỗ Hiền Mai	15/6/2003				
23	900871	9N	Lê Ngọc Mai	11/03/2003				
24	900872	9N	lê nguyễn khánh mai	11/03/2003				
25	900873	9N	Lê Thị Phương Mai	23/11/2003				
26	900874	9N	Nguyễn Ngọc Mai	21/04/2003				
27	900875	9N	Nguyễn Thanh Mai	19/10/2003				
28	900876	9N	Nguyễn Thị Mai	29/7/2003				
29	900877	9N	Phạm Thanh Mai	18/3/2003				
30	900878	9N	Phan Ngọc Mai	23/11/2003				
31	900879	9N	Trần Ngọc Mai	04/02/2003				
32	900880	9N	Trần Thị Tiểu Mai	27/10/2003				
33	900881	9N	Triệu Ngọc Mai	30/05/2003				
34	900882	9N	Nguyễn Đình Mạnh	08/09/2003				
35	900883	9N	Nguyễn Đức Mạnh	11/04/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 43 **Thi tại phòng: 417**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900884	9N	Bùi Hiền Minh	25/11/2003				
2	900885	9N	Bùi Tuấn Minh	22/11/2003				
3	900886	9N	Chu Hoàng Minh	20/09/2003				
4	900887	9N	Đào Nhật Minh	07/07/2003				
5	900888	9N	Đào Nhật Minh	10/02/2003				
6	900889	9N	Đào Quang Minh	20/10/2003				
7	900890	9N	Đặng Nhật Minh	28/04/2003				
8	900891	9N	Đinh Nhật Minh	17/10/2003				
9	900892	9N	Đoàn Vũ Nhật Minh	04/08/2003				
10	900893	9N	Đỗ Hồng Minh	13/10/2003				
11	900894	9N	Đỗ Quang Minh	13/3/2003				
12	900895	9N	Hà Đình Minh	06/11/2003				
13	900896	9N	Hàn Gia Minh	11/02/2003				
14	900897	9N	Hoàng Lê Minh	31/03/2003				
15	900898	9N	Hoàng Lê Minh	31/03/2003				
16	900899	9N	Lại Đức Minh	19/05/2003				
17	900900	9N	Lại Nhật Minh	11/11/2003				
18	900901	9N	Lê Nhật Minh	11/10/2003				
19	900902	9N	Lưu Đức Minh	05/02/2003				
20	900903	9N	Mã Quang Minh	03/07/2003				
21	900904	9N	Mai Hoàng Tuệ Minh	10/03/2003				
22	900905	9N	Nguyễn Bảo Minh	04/04/2003				
23	900906	9N	Nguyễn Đăng Minh	04/09/2003				
24	900907	9N	Nguyễn Đức Minh	06/04/2003				
25	900908	9N	Nguyễn Đức Minh	24/01/2003				
26	900909	9N	Nguyễn Hải Minh	10/10/2003				
27	900910	9N	Nguyễn Hồng Minh	22/08/2003				
28	900911	9N	Nguyễn Lê Nguyệt Minh	15/02/2003				
29	900912	9N	Nguyễn Ngọc Minh	11/12/2003				
30	900913	9N	Nguyễn Phúc Hải Minh	02/11/2003				
31	900914	9N	Nguyễn Quang Minh	15/10/2003				
32	900915	9N	Nguyễn Quang Minh	13/05/2003				
33	900916	9N	Nguyễn Quang Minh	15/05/2003				
34	900917	9N	Phạm Hồng Minh	29/10/2003				
35	900918	9N	Phạm Ngọc Minh	07/04/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 44 **Thi tại phòng: 503**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900919	9N	Phạm Nhật Minh	10/12/2003				
2	900920	9N	Phạm Thị Hồng Minh	02/12/2003				
3	900921	9N	Tạ Đức Minh	27/02/2003				
4	900922	9N	Trần Bình Minh	27/12/2003				
5	900923	9N	Trần Lê Minh	25/08/2003				
6	900924	9N	Trần Thị Ngọc Minh	17/12/2003				
7	900925	9N	Võ Nhật Minh	02/04/2003				
8	900926	9N	Vũ Hà Minh	17/01/2003				
9	900927	9N	Vũ Ngọc Minh	11/09/2003				
10	900928	9N	Trần Thúy Mùi	15/11/2003				
11	900929	9N	Bùi Thảo My	25/2/2003				
12	900930	9N	Đào Ngọc Trà My	04/05/2003				
13	900931	9N	Lê Huyền My	29/09/2003				
14	900932	9N	Nguyễn Hà My	26/02/2003				
15	900933	9N	Nguyễn thị Trà My	27/6/2003				
16	900934	9N	Nguyễn Trà My	22/09/2003				
17	900935	9N	Nguyễn Trà My	17/1/2003				
18	900936	9N	Nguyễn Trà My	20/10/2003				
19	900937	9N	Phạm Ngô Hải My	15/12/2003				
20	900938	9N	Bùi Tuấn Nam	17/10/2003				
21	900939	9N	Đinh Hải Nam	22/11/2003				
22	900940	9N	Đinh Hoàng Nam	07/05/2003				
23	900941	9N	Hoàng Đức Nam	27/09/2003				
24	900942	9N	Hoàng Hải Nam	28/01/2003				
25	900943	9N	Hoàng Trung Nam	18/05/2003				
26	900944	9N	Lại Tuấn Nam	28/02/2003				
27	900945	9N	Nguyễn Đức Nam	13/01/2003				
28	900946	9N	Nguyễn Hải Nam	26/7/2003				
29	900947	9N	Nguyễn Hải Nam	22/05/2003				
30	900948	9N	Nguyễn Hoàng Nam	12/04/2003				
31	900949	9N	Nguyễn Hoàng Nam	09/04/2003				
32	900950	9N	Nguyễn Thành Nam	03/05/2003				
33	900951	9N	Trương Hoài Nam	06/11/2003				
34	900952	9N	Nguyễn Phương Nga	27/8/2003				
35	900953	9N	Nguyễn Phương Nga	01/05/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 45 **Thi tại phòng: 504**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900954	9N	Nguyễn Thị Thúy Nga	18/11/2003				
2	900955	9N	Phùng Thanh Nga	16/07/2003				
3	900956	9N	Đào Phương Ngân	12/11/2003				
4	900957	9N	Hoàng Thánh Ngân	09/12/2003				
5	900958	9N	Hồ Thị Ngân	09/04/2003				
6	900959	9N	Lưu Hồng Ngân	22/12/2003				
7	900960	9N	Ngô Hương Ngân	18/11/2003				
8	900961	9N	Nguyễn Hoàng Ngân	05/11/2003				
9	900962	9N	Nguyễn Khánh Ngân	24/06/2003				
10	900963	9N	Nguyễn Minh Ngân	27/5/2003				
11	900964	9N	Cao Hoàng Nghĩa	19/04/2003				
12	900965	9N	Lê Minh Nghĩa	13/12/2003				
13	900966	9N	Lê Phan Tuấn Nghĩa	20/12/2003				
14	900967	9N	Lưu Công Tuấn Nghĩa	24/12/2003				
15	900968	9N	Nguyễn Chí Nghĩa	13/09/2003				
16	900969	9N	Nguyễn Hữu Nghĩa	31/08/2003				
17	900970	9N	Nguyễn Trí Nghĩa	03/06/2003				
18	900971	9N	Trần Trung Nghĩa	23/08/2003				
19	900972	9N	Hà Thanh Ngọc	13/12/2003				
20	900973	9N	Hoàng Bảo Ngọc	28/01/2003				
21	900974	9N	Hoàng Bảo Ngọc	27/09/2003				
22	900975	9N	Hoàng Kim Bảo Ngọc	19/1/2003				
23	900976	9N	Nguyễn Đặng Như Ngọc	13/10/2003				
24	900977	9N	Nguyễn Kim Ngọc	26/9/2003				
25	900978	9N	Nguyễn Minh Ngọc	`13/8/2003				
26	900979	9N	Nguyễn Minh Ngọc	11/07/2003				
27	900980	9N	Nguyễn Minh Ngọc	24/09/2003				
28	900981	9N	Nguyễn Thị Ngọc	06/06/2003				
29	900982	9N	Trần Minh Ngọc	05/10/2003				
30	900983	9N	Trịnh Thị Linh Ngọc	18/03/2003				
31	900984	9N	Vũ Minh Ngọc	04/02/2003				
32	900985	9N	Vương Hồng Ngọc	20/10/2003				
33	900986	9N	Vương Minh Ngọc	06/09/2003				
34	900987	9N	Bùi Thảo Nguyên	25/11/2003				
35	900988	9N	Đào Thị Thái Nguyên	03/09/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 46 **Thi tại phòng: 505**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900989	9N	Hoàng Bình Nguyên	24/12/2003				
2	900990	9N	Hoàng Dương Khôi Nguyên	08/10/2003				
3	900991	9N	Lưu Thủy Nguyên	17/11/2003				
4	900992	9N	Ngô Quang Nguyên	06/07/2003				
5	900993	9N	Nguyễn Gia Nguyên	18/12/2003				
6	900994	9N	Nguyễn Ngọc Hà Nguyên	02/01/2003				
7	900995	9N	Nguyễn Thảo Nguyên	25/10/2003				
8	900996	9N	Phạm Khôi Nguyên	05/06/2003				
9	900997	9N	Phan Thảo Nguyên	17/02/2003				
10	900998	9N	Trần Lương Hạnh Nguyên	15/02/2003				
11	900999	9N	Trần Phan Nguyên	10/02/2003				
12	901000	9N	Trần Trung Nguyên	11/04/2003				
13	901001	9N	Cao Thị Minh Nguyệt	23/06/2003				
14	901002	9N	Lê Minh Nguyệt	27/10/2003				
15	901003	9N	Nguyễn Minh Nguyệt	05/08/2003				
16	901004	9N	Phùng Hữu Nhân	12/10/2003				
17	901005	9N	Mai Việt Nhật	01/12/2003				
18	901006	9N	Trịnh Như Hồng Nhật	08/06/2003				
19	901007	9N	Hà Trang Nhi	20/12/2003				
20	901008	9N	Hoàng Thục Nhi	22/09/2003				
21	901009	9N	Lê Lan Nhi	30/12/2003				
22	901010	9N	Mai Thị Nhi	31/3/2003				
23	901011	9N	Nguyễn Bảo Nhi	17/11/2003				
24	901012	9N	Nguyễn Hải Nhi	10/11/2003				
25	901013	9N	Nguyễn Hải Yến Nhi	09/06/2003				
26	901014	9N	Nguyễn hoàng Bình Nhi	28/8/2003				
27	901015	9N	Nguyễn Uyển Nhi	09/06/2003				
28	901016	9N	Nguyễn Uyển Nhi	16/11/2003				
29	901017	9N	Nguyễn Ý Nhi	28/03/2003				
30	901018	9N	Trần Quang Nhi	29/11/2003				
31	901019	9N	Văn Đỗ Ngọc Nhi	06/07/2003				
32	901020	9N	Vương Lan Nhi	08/11/2003				
33	901021	9N	Lê Hồng Nhung	25/12/2003				
34	901022	9N	Lê Hồng Nhung	25/4/2003				
35	901023	9N	Nguyễn Trang Nhung	10/08/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 47 **Thi tại phòng: V01 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901024	9N	Trần An Nhung	31/12/2003				
2	901025	9N	Trịnh Huyền Nhung	15/03/2003				
3	901026	9N	Ngô Quang Như	16/06/2003				
4	901027	9N	Nguyễn Lâm Ninh	14/09/2003				
5	901028	9N	Tạ Thị Kim Oanh	25/07/2003				
6	901029	9N	Nguyễn Minh Phi	11/07/2003				
7	901030	9N	Dương Gia Phong	17/11/2003				
8	901031	9N	Hoàng Nguyễn Phong	21/07/2003				
9	901032	9N	Lê Nam Phong	15/7/2003				
10	901033	9N	Lưu Tuấn Phong	27/03/2003				
11	901034	9N	Ngô Bá Phong	25/07/2003				
12	901035	9N	Nguyễn Kiều Phong	10/01/2003				
13	901036	9N	Nguyễn Mạnh Phong	16/08/2003				
14	901037	9N	Nguyễn Minh Phong	18/12/2003				
15	901038	9N	Nguyễn Ngọc Nam Phong	12/04/2003				
16	901039	9N	Phạm Tuấn Phong	29/10/2003				
17	901040	9N	Vũ Thủy Phong	28/1/2003				
18	901041	9N	Đinh Trọng Việt Phú	26/01/2003				
19	901042	9N	Phạm Trần Minh Phú	25/08/2003				
20	901043	9N	Phạm Xuân Phú	19/11/2003				
21	901044	9N	Nguyễn Hoàng Phúc	20/04/2003				
22	901045	9N	Nguyễn Hữu Phúc	12/11/2003				
23	901046	9N	Nguyễn Xuân Phúc	17/11/2003				
24	901047	9N	Nguyễn Hữu Phước	13/08/2003				
25	901048	9N	Đào Minh Phương	06/09/2003				
26	901049	9N	Đặng Thu Phương	25/09/2003				
27	901050	9N	Đinh Hoàng Phương	23/12/2003				
28	901051	9N	Đoàn Nam Phương	11/06/2003				
29	901052	9N	Đỗ Thị Hà Phương	20/05/2003				
30	901053	9N	Đỗ Thị Minh Phương	01/11/2003				
31	901054	9N	Hoàng Minh phương	16/7/2003				
32	901055	9N	Hoàng Minh Phương	29/01/2003				
33	901056	9N	Hoàng Quỳnh phương	21/12/2003				
34	901057	9N	Lê Vũ Thu Phương	04/01/2003				
35	901058	9N	Ngô Hà Phương	14/10/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 48 **Thi tại phòng: V02 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901059	9N	Nguyễn hoàng Phương	12/04/2003				
2	901060	9N	Nguyễn Hoàng Mai Phương	30/7/2003				
3	901061	9N	Nguyễn Khánh Phương	12/04/2003				
4	901062	9N	Nguyễn Lan Phương	20/05/2003				
5	901063	9N	Nguyễn Mai Phương	20/10/2003				
6	901064	9N	Nguyễn Mai Phương	29/08/2003				
7	901065	9N	Nguyễn Quỳnh Phương	06/10/2003				
8	901066	9N	Nguyễn Thảo Phương	15/07/2003				
9	901067	9N	Nguyễn Thu Phương	27/08/2003				
10	901068	9N	Phạm Bích Phương	18/05/2003				
11	901069	9N	Tạ Thu Phương	17/01/2003				
12	901070	9N	Thái Yến Phương	10/01/2003				
13	901071	9N	Trần Hà Phương	11/03/2003				
14	901072	9N	Trần Hải Phương	15/02/2003				
15	901073	9N	Trần Mai Phương	28/10/2003				
16	901074	9N	Trần Phạm Mai Phương	11/03/2003				
17	901075	9N	Trần Thu Phương	22/9/2003				
18	901076	9N	Trần Tuấn Phương	18/10/2003				
19	901077	9N	Trần Viêt Phương	28/04/2003				
20	901078	9N	Vũ Minh Phương	30/08/2003				
21	901079	9N	Chu Phan Hà Quang	15/10/2003				
22	901080	9N	Đàm Minh Quang	25/07/2003				
23	901081	9N	Hồ Ngọc Quang	06/02/2003				
24	901082	9N	Lê Nhật Quang	27/06/2003				
25	901083	9N	nguyễn minh Quang	19/3/2003				
26	901084	9N	Nguyễn Minh Quang	25/03/2003				
27	901085	9N	Nguyễn Việt Quang	08/03/2003				
28	901086	9N	Nguyễn Xuân Minh Quang	06/10/2003				
29	901087	9N	Thái Bá Quang	10/11/2003				
30	901088	9N	Trần Duy Quang	26/11/2003				
31	901089	9N	Trần Minh Quang	10/09/2003				
32	901090	9N	Vũ Minh Quang	05/05/2003				
33	901091	9N	Vũ Trọng Quang	01/01/2003				
34	901092	9N	Nguyễn Anh Quân	24/03/2003				
35	901093	9N	Nguyễn Minh Quân	10/03/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 49 **Thi tại phòng: V03 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901094	9N	Nguyễn Minh Quân	04/10/2003				
2	901095	9N	Nguyễn Minh Quân	23/06/2003				
3	901096	9N	Nguyễn Sỹ Minh Quân	10/09/2003				
4	901097	9N	Nguyễn Thọ Quân	04/12/2003				
5	901098	9N	Phùng Đàm Quân	02/01/2003				
6	901099	9N	Trần Minh Quân	30/05/2003				
7	901100	9N	Trịnh Văn Minh Quân	07/04/2003				
8	901101	9N	Trương Minh Quân	12/11/2003				
9	901102	9N	Lê Khắc Quý	27/11/2003				
10	901103	9N	Bùi Hữu Quyền	24/05/2003				
11	901104	9N	Lưu Ngọc Quỳnh	10/07/2003				
12	901105	9N	Nguyễn An Quỳnh	28/12/2003				
13	901106	9N	Nguyễn Diễm Quỳnh	08/06/2003				
14	901107	9N	Nguyễn Hương Quỳnh	30/10/2003				
15	901108	9N	Nguyễn Như quỳnh	17/9/2003				
16	901109	9N	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	12/06/2003				
17	901110	9N	Trần Hương Quỳnh	13/3/2003				
18	901111	9N	Bùi Doãn Tùng Sơn	17/06/2003				
19	901112	9N	Đinh Huy Thái Sơn	09/06/2003				
20	901113	9N	Nguyễn Quang Sơn	11/04/2003				
21	901114	9N	Nguyễn Thanh Sơn	21/03/2003				
22	901115	9N	Nguyễn Trọng Sơn	29/10/2003				
23	901116	9N	Phạm Trường Sơn	10/04/2003				
24	901117	9N	Vũ Hùng Sơn	23/11/2003				
25	901118	9N	Vũ Nam Sơn	14/08/2003				
26	901119	9N	Nguyễn Gia Tài	28/07/2003				
27	901120	9N	Nguyễn Như Tâm	10/01/2003				
28	901121	9N	Nguyễn Văn Tâm	12/08/2003				
29	901122	9N	Phạm Minh Tâm	05/06/2003				
30	901123	9N	Trần Thanh Tâm	04/01/2003				
31	901124	9N	Từ Minh Mỹ Tâm	16/11/2003				
32	901125	9N	Cao Duy Thái	16/06/2003				
33	901126	9N	Nguyễn Danh Thái	10/07/2003				
34	901127	9N	Nguyễn Đình Thái	18/02/2003				
35	901128	9N	Nguyễn Quốc Thái	11/10/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 50 **Thi tại phòng: V04 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901129	9N	Hồ Hiền Thanh	13/12/2003				
2	901130	9N	Nguyễn Trần Hà Thanh	09/01/2003				
3	901131	9N	Cao Tiến Thành	13/3/2003				
4	901132	9N	Đỗ Nhật Thành	18/05/2003				
5	901133	9N	Lê Chí Thành	10/10/2003				
6	901134	9N	Lưu Công Thành	16/06/2003				
7	901135	9N	Nguyễn Minh Thành	17/11/2003				
8	901136	9N	Nguyễn Minh Thành	10/05/2003				
9	901137	9N	Nguyễn Tiến Thành	04/12/2003				
10	901138	9N	Nguyễn Tuấn Thành	23/04/2003				
11	901139	9N	Nguyễn Văn Thành	29/07/2003				
12	901140	9N	Trần Phương Thành	21/6/2003				
13	901141	9N	Trần Thế Thành	06/03/2003				
14	901142	9N	Trần Trọng Thành	15/10/2003				
15	901143	9N	Trương Đức Thành	30/10/2003				
16	901144	9N	Bạch Thanh Thảo	18/10/2003				
17	901145	9N	Bùi Phương Thảo	20/11/2003				
18	901146	9N	Đinh Phương Thảo	01/09/2003				
19	901147	9N	Đỗ Phương Thảo	19/06/2003				
20	901148	9N	Hoàng Thị Phương Thảo	20/01/2003				
21	901149	9N	Hồ Phương Thảo	07/08/2003				
22	901150	9N	Lê Thanh Thảo	29/05/2003				
23	901151	9N	Nguyễn Hương Thảo	11/02/2003				
24	901152	9N	Nguyễn Phương Thảo	28/06/2003				
25	901153	9N	Nguyễn Phương Thảo	07/09/2003				
26	901154	9N	Nguyễn Phương Thảo	12/01/2003				
27	901155	9N	Nguyễn Phương Thảo	15/09/2003				
28	901156	9N	Nguyễn Phương Thảo	22/06/2003				
29	901157	9N	Phạm Trần Thu Thảo	05/07/2003				
30	901158	9N	Trần Phương Thảo	02/05/2003				
31	901159	9N	Trần Phương Thảo	15/01/2003				
32	901160	9N	Vũ Thị Minh Thảo	19/12/2003				
33	901161	9N	Đào Xuân Thắng	29/09/2003				
34	901162	9N	Hồ Nam Thắng	19/02/2003				
35	901163	9N	Lê Đình Bảo Thắng	14/10/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 51 **Thi tại phòng: 301 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901164	9N	Ngô Minh Thắng	19/05/2003				
2	901165	9N	Nguyễn Đức Thắng	29/11/2003				
3	901166	9N	Nguyễn Tất Thắng	21/06/2003				
4	901167	9N	Trần Minh Thắng	17/01/2003				
5	901168	9N	Võ Đức Thắng	28/08/2003				
6	901169	9N	Vũ Đức Thắng	22/4/2003				
7	901170	9N	Nguyễn Hà Thi	18/11/2003				
8	901171	9N	Trần Sỹ Cao Thiên	07/12/2003				
9	901172	9N	Vương Ngọc Thiện	26/3/2003				
10	901173	9N	Trần Văn Thiệu	30/03/2003				
11	901174	9N	Phạm Tiến Thịnh	27/10/2003				
12	901175	9N	Nguyễn Đắc Hanh Thông	25/03/2003				
13	901176	9N	Phạm Huy Thông	04/01/2003				
14	901177	9N	Đặng Thị Minh Thu	14/01/2003				
15	901178	9N	Nguyễn Minh Thu	12/10/2003				
16	901179	9N	Nguyễn Minh Thu	21/08/2003				
17	901180	9N	Bùi Minh Thúy	09/12/2003				
18	901181	9N	Thái Minh Thúy	13/02/2003				
19	901182	9N	Lại Phương Thủy	03/02/2003				
20	901183	9N	Phạm Hồng Thủy	01/11/2003				
21	901184	9N	Trần Thanh Thủy	04/08/2003				
22	901185	9N	Bùi Anh Thư	21/8/2003				
23	901186	9N	Đỗ Ngọc Anh Thư	31/10/2003				
24	901187	9N	Nguyễn Anh Thư	01/03/2003				
25	901188	9N	Nguyễn Anh Thư	21/12/2003				
26	901189	9N	Đinh Thị Thủy Tiên	18/06/2003				
27	901190	9N	Lưu Thủy Tiên	28/2/2003				
28	901191	9N	Ngô Thị Thủy Tiên	02/10/2003				
29	901192	9N	Trần Thuỷ Tiên	01/12/2003				
30	901193	9N	Đặng Việt Tiến	14/12/2003				
31	901194	9N	Đỗ Ngọc Tiến	05/09/2003				
32	901195	9N	Phạm Việt Tiến	02/12/2003				
33	901196	9N	Tạ Mạnh Tiến	29/11/2003				
34	901197	9N	Đỗ Thế Khánh Toàn	06/04/2003				
35	901198	9N	Nguyễn Đức Toàn	27/01/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 52 **Thi tại phòng: 302 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901199	9N	Nguyễn Khánh Toàn	06/06/2003				
2	901200	9N	Cao Phương Trà	15/05/2003				
3	901201	9N	Đỗ Sơn Trà	23/08/2003				
4	901202	9N	Hoàng Phương Trà	18/07/2003				
5	901203	9N	Nguyễn Hương Trà	23/8/2003				
6	901204	9N	Nguyễn Thanh Trà	22/04/2003				
7	901205	9N	Phạm Thanh Trà	14/04/2003				
8	901206	9N	Phạm Thị Thanh Trà	04/11/2003				
9	901207	9N	Trần Ngân Trà	13/02/2003				
10	901208	9N	Chu Vũ Minh Trang	13/10/2003				
11	901209	9N	Đào Quỳnh Trang	15/09/2003				
12	901210	9N	Đặng Trần Kiều Trang	30/10/2003				
13	901211	9N	Đỗ Hà Mai Trang	10/04/2003				
14	901212	9N	Đỗ Minh Trang	10/01/2003				
15	901213	9N	Đỗ Quỳnh Trang	12/10/2003				
16	901214	9N	Kim Ngọc Vân Trang	15/07/2003				
17	901215	9N	Lê Ngọc Minh Trang	21/09/2003				
18	901216	9N	Lê Thùy Trang	01/01/2003				
19	901217	9N	Lê Trần Yến Trang	17/10/2003				
20	901218	9N	Nguyễn Hoàng Minh Trang	20/06/2003				
21	901219	9N	Nguyễn Hồng Trang	18/4/2003				
22	901220	9N	Nguyễn Huyền Trang	28/6/2003				
23	901221	9N	Nguyễn Linh Trang	12/05/2003				
24	901222	9N	Nguyễn Linh Trang	30/11/2003				
25	901223	9N	Nguyễn Mai Trang	13/06/2003				
26	901224	9N	Nguyễn Quỳnh Trang	11/10/2003				
27	901225	9N	Nguyễn Thu Trang	19/03/2003				
28	901226	9N	Nguyễn Thu Trang	01/09/2003				
29	901227	9N	Nguyễn Thu Trang	09/10/2003				
30	901228	9N	Nguyễn Thùy Trang	30/09/2003				
31	901229	9N	Nguyễn Vân Trang	04/11/2003				
32	901230	9N	Phạm Thu Trang	10/12/2003				
33	901231	9N	Trần Hà Trang	28/8/2003				
34	901232	9N	Trần Hà Trang	02/03/2003				
35	901233	9N	Trần Huyền Trang	04/01/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 53 **Thi tại phòng: 308 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901234	9N	Trần Lương Hải Trang	30/12/2003				
2	901235	9N	Trương Đoan Trang	15/11/2003				
3	901236	9N	Vũ Quỳnh Trang	28/12/2003				
4	901237	9N	Dương Đức Trí	11/03/2003				
5	901238	9N	Dương Quang Trí	27/06/2003				
6	901239	9N	Nguyễn Trần Trí	21/05/2003				
7	901240	9N	Dương Quang Trung	05/05/2003				
8	901241	9N	Đỗ Ngọc Trung	05/09/2003				
9	901242	9N	Hoàng Đức Trung	21/03/2003				
10	901243	9N	Nguyễn Đức Trung	31/05/2003				
11	901244	9N	Nguyễn Đức Trung	27/08/2003				
12	901245	9N	Nguyễn Đức Trung	02/04/2003				
13	901246	9N	Nguyễn Thế Trung	27/02/2003				
14	901247	9N	Tôn Trí Trung	30/09/2003				
15	901248	9N	Trần Đăng Thành Trung	26/05/2003				
16	901249	9N	Trần Đức Trung	10/03/2003				
17	901250	9N	Vương Hữu Trung	08/01/2003				
18	901251	9N	Phạm Quang Trường	01/12/2003				
19	901252	9N	Quách Duy Trường	20/4/2003				
20	901253	9N	Bùi Cẩm Tú	25/07/2003				
21	901254	9N	Đinh Minh Tú	23/11/2003				
22	901255	9N	Lê Nguyễn Thanh Tú	17/10/2003				
23	901256	9N	Nguyễn Công Cẩm Tú	20/03/2003				
24	901257	9N	Nguyễn Đức Minh Tú	28/11/2003				
25	901258	9N	Nguyễn Hồ Cẩm Tú	23/11/2003				
26	901259	9N	Nguyễn Minh Tú	17/02/2003				
27	901260	9N	Nguyễn Ngọc Tú	30/12/2003				
28	901261	9N	Nguyễn Quang Tú	23/1/2003				
29	901262	9N	Phạm Ngọc Tú	23/12/2003				
30	901263	9N	Trần Minh Tú	22/12/2003				
31	901264	9N	Trần Phương Tú	18/06/2003				
32	901265	9N	Đỗ Trịnh Anh Tuấn	02/08/2003				
33	901266	9N	Hà Anh Tuấn	17/10/2003				
34	901267	9N	Lương Minh Tuấn	21/11/2003				
35	901268	9N	Nguyễn Anh Tuấn	12/02/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 54 **Thi tại phòng: 309 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901269	9N	Nguyễn Anh Tuấn	02/05/2003				
2	901270	9N	Nguyễn Mạnh Tuấn	06/11/2003				
3	901271	9N	Nguyễn Minh Tuấn	19/07/2003				
4	901272	9N	Nguyễn Quốc Tuấn	09/06/2003				
5	901273	9N	Nguyễn Quốc Tuấn	21/10/2003				
6	901274	9N	Nguyễn Viết Tuấn	20/03/2003				
7	901275	9N	Phạm Đức Tuấn	25/2/2003				
8	901276	9N	Phạm Minh Tuấn	01/01/2003				
9	901277	9N	Thái Bảo Tuấn	12/12/2003				
10	901278	9N	Đỗ Xuân Tùng	15/08/2003				
11	901279	9N	Lê Sơn Tùng	14/1/2003				
12	901280	9N	Ngô Quang Sơn Tùng	20/09/2003				
13	901281	9N	Nguyễn Thanh Tùng	09/02/2003				
14	901282	9N	Phạm Lâm Tùng	06/07/2003				
15	901283	9N	Phạm Lê Thanh Tùng	02/12/2003				
16	901284	9N	Chu Quang Tuyến	03/07/2003				
17	901285	9N	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	25/11/2003				
18	901286	9N	Nguyễn Đức Phúc Tường	10/03/2003				
19	901287	9N	Đậu Ngọc Phương Uyên	31/7/2003				
20	901288	9N	Lương Thu Uyên	14/04/2003				
21	901289	9N	Nguyễn Hoàng Thục Uyên	14/08/2003				
22	901290	9N	Nguyễn Thị Tố Uyên	04/02/2003				
23	901291	9N	Tạ Phương Uyên	04/11/2003				
24	901292	9N	Lê Ngọc Văn	11/02/2003				
25	901293	9N	Bùi Hạnh Vân	08/04/2003				
26	901294	9N	Lê Khánh Vân	27/12/2003				
27	901295	9N	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	05/09/2003				
28	901296	9N	Nguyễn Thu Vân	01/01/2003				
29	901297	9N	Nguyễn Vũ Hải Vân	31/10/2003				
30	901298	9N	Phương Thảo Vân	23/09/2003				
31	901299	9N	Vũ Hồng Vân	17/01/2003				
32	901300	9N	Lê Đỗ Hoàng Việt	03/09/2003				
33	901301	9N	Lê Quý Việt	12/05/2003				
34	901302	9N	Kiều Tuấn Vinh	27/8/2003				
35	901303	9N	Ngô Thế Vinh	05/07/2003				
36								

DANH SÁCH PHÒNG THI KIỂM TRA KHẢO SÁT VÀO LỚP 10 (lần 3)

Phòng thi số: 55 **Thi tại phòng: 310 - nhà V**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	901304	9N	Ngô Thế Vinh	16/9/2003				
2	901305	9N	Nguyễn Đức Vinh	31/12/2003				
3	901306	9N	Trần Quang Vinh	10/07/2003				
4	901307	9N	Dương Long Vũ	01/09/2003				
5	901308	9N	Ngô Thế Vũ	06/10/2003				
6	901309	9N	Nguyễn Thái Vũ	30/11/2003				
7	901310	9N	Trần Bá Vương	15/11/2003				
8	901311	9N	Bùi Ngọc Vy	03/02/2003				
9	901312	9N	Đặng Khánh Vy	15/08/2003				
10	901313	9N	Đỗ Khánh Vy	22/01/2003				
11	901314	9N	Lê Huyền Vy	28/11/2003				
12	901315	9N	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	15/10/2003				
13	901316	9N	Nguyễn Phương Vy	25/09/2003				
14	901317	9N	Tô Yến Vy	19/12/2003				
15	901318	9N	Trần Thị Khánh Vy	06/02/2003				
16	901319	9N	Vũ Ngọc Vy	13/02/2003				
17	901320	9N	Phạm Chí Vỹ	30/12/2003				
18	901321	9N	Hoàng Bảo Yến	28/09/2003				
19	901322	9N	Trần Kim Yến	18/04/2003				
20	901323	9N	Trần Ngọc Bảo Yến	27/10/2003				
21	901324	9N	Vũ Hải Yến	17/08/2003				
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								
32								
33								
34								
35								
36								